PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2016/TT-TANDTC *Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2016*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27-4-2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01-7-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân, bao gồm: Đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua, danh

hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; loại hình, hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học - Sáng kiến, Cụm thi đua; Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Đối với các Tòa án quân sự, Thông tư này chỉ hướng dẫn việc xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án", "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao", danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân cho tập thể, cá nhân.

Điều 2. Đối tượng thi đua

1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

2. Các Tòa án nhân dân cấp cao.

3. Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

4. Các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện).

5. Các tập thể nhỏ thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (kể cả đang trong thời gian tập sự, lao động hợp đồng không thời hạn, lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên) làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 3. Đối tượng khen thưởng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Tập thể, cá nhân không thuộc Tòa án nhân dân, có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào quá trình phát triển của Tòa án nhân dân.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ.

2. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

3. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua.

Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải đăng ký thi đua; xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua.

Không đăng ký thi đua thì không được xét tặng danh hiệu thi đua.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng

1. Dân chủ, chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

2. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.

3. Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một đối tượng (đối với cá nhân chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"), trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất.

4. Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

5. Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

6. Khen thưởng phải căn cứ vào thành tích đạt được. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

7. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

8. Tập thể, cá nhân không được xét khen thưởng vì có bản án, quyết định bị hủy, sửa, nhưng sau đó cấp giám đốc thẩm kết luận việc hủy, sửa đó là chưa chính xác thì được xem xét, đề nghị khen thưởng bổ sung.

9. Không xét khen thưởng đối với tập thể có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang bị khởi tố hình sự. Các tập thể có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật khiển trách vẫn có thể được xét đề nghị khen thưởng, nhưng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể đó phải thấp hơn một bậc so với các tập thể khác có cùng thành tích.

10. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của một hình thức khen thưởng thì ưu tiên khen thưởng cá nhân nữ, tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn.

11. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

12. Trường hợp tính số người, số tập thể kết quả là số thập phân thì được làm tròn số: Dưới 0,5 được tính là 0, từ 0,5 trở lên được tính là 1.

13. Cấp nào chủ trì phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (đối với trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng rộng hơn cấp đó).

Chương II
TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể; các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Tổ chức thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị hoặc theo Cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua, đăng ký thi đua.

Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Trưởng Cụm thi đua tiến hành tổng kết và xét tặng các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, đơn vị.

Cơ quan, đơn vị chỉ phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

Thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề được tổ chức trong phạm vi cơ quan, đơn vị hoặc trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề có phạm vi toàn hệ thống Tòa án nhân dân trong thời gian từ 03 năm trở lên, Tòa án nhân dân tối cao gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các nội dung và chỉ tiêu thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải bảo đảm khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp; chú trọng tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua, tránh các biểu hiện phô trương, hình thức trong hoạt động thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, kiểm tra, theo dõi quá trình tổ chức thi đua; tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm trong việc tổ chức thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua phải tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua để khen thưởng.

Điều 8. Đăng ký thi đua

1. Các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 2 Thông tư này tổ chức cho các cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý đăng ký thi đua theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi 01 bản về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng), 01 bản về Trưởng Cụm thi đua trước ngày 25 tháng 02 hàng năm.

2. Các trường hợp được coi là không đăng ký thi đua:

a) Đăng ký thi đua không rõ ràng, không nêu cụ thể tên của tập thể, cá nhân đăng ký thi đua;

b) Không nêu rõ danh hiệu thi đua cần đăng ký;

c) Gửi bản đăng ký thi đua chậm so với quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Giao ước thi đua

Các Cụm thi đua tổ chức ký giao ước thi đua và gửi về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 25 tháng 02 hàng năm.

Điều 10. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

a) "Lao động tiên tiến";

b) "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

c) "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân";

d) "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

a) "Tập thể lao động tiên tiến";

b) "Tập thể lao động xuất sắc";

c) "Cờ thi đua Tòa án nhân dân";

d) "Cờ thi đua của Chính phủ".

Điều 11. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao; đối với Thẩm phán, tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 1,16%, tỷ lệ bản án, quyết định bị sửa do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 4,20% (02 bản án, quyết định bị hủy một phần được tính là 01 bản án, quyết định bị hủy);

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khỏe cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. Thời gian nghỉ thai sản, nghỉ phép theo quy định của pháp luật được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị cũ).

6. Đối với cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xét tặng trên cơ sở ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái.

7. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 12. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu "Lao động tiên tiến";

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở công nhận hoặc đã được nghiệm thu áp dụng.

2. Tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Điều 13. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 năm liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

b) Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học có tác dụng ảnh hưởng đối với hệ thống Tòa án nhân dân được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân công nhận.

2. Thời điểm xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân" là năm đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" lần thứ ba.

Điều 14. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

b) Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân công nhận.

2. Thời điểm xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" là năm liền kề với năm đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân" lần thứ hai.

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao; tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 1,16%, tỷ lệ bản án, quyết định bị sửa do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 4,20% (02 bản án, quyết định bị hủy một phần được tính là 01 bản án, quyết định bị hủy);

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Không xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" đối với tập thể mới thành lập dưới 10 tháng.

Điều 16. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến";

b) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 1%, tỷ lệ bản án, quyết định bị sửa do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 3% (02 bản án, quyết định bị hủy một phần được tính là 01 bản án, quyết định bị hủy);

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 17. Danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân"

1. Danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân" được xét tặng hàng năm cho các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Thông tư này và Tòa án quân sự đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc";

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong hệ thống Tòa án nhân dân học tập;

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

đ) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong Cụm thi đua tín nhiệm, bỏ phiếu suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm thi đua.

2. Số lượng "Cờ thi đua Tòa án nhân dân" (kể cả để suy tôn "Cờ thi đua của Chính phủ") được phân bổ tối đa như sau:

a) Cụm thi đua số I: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 22 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Cụm thi đua số II: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 17 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

c) Cụm thi đua số III: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 17 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

d) Cụm thi đua số IV: 04 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 11 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

đ) Cụm thi đua số V: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 17 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

e) Cụm thi đua số VI: 04 cờ cho các đơn vị;

g) Cụm thi đua số VII: 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp cao;

h) Cụm thi đua số VIII: 04 cờ cho các Tòa án quân sự.

3. Trường hợp có Cụm thi đua lựa chọn không đủ số lượng Cờ thi đua Tòa án nhân dân, mà có cơ quan, đơn vị khác đủ tiêu chuẩn thì có thể bổ sung cho cơ quan, đơn vị ở Cụm thi đua khác do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân.

Điều 18. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng hàng năm cho các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Thông tư này và Tòa án quân sự đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân";

b) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

c) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong Cụm thi đua tín nhiệm, bỏ phiếu suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Tòa án nhân dân.

2. Số lượng "Cờ thi đua của Chính phủ" được phân bổ tối đa như sau:

a) Cụm thi đua số I: 01 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 04 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Cụm thi đua số II: 01 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 03 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

c) Cụm thi đua số III: 01 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 03 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

d) Cụm thi đua số IV: 01 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

đ) Cụm thi đua số V: 01 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 03 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

e) Cụm thi đua số VI: 01 cờ cho đơn vị;

g) Cụm thi đua số VII: 01 cờ cho Tòa án nhân dân cấp cao;

h) Cụm thi đua số VIII: 01 cờ cho Tòa án quân sự.

Chương III
LOẠI HÌNH, HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề hoặc theo đợt là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 20. Các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

a) Huân chương: "Huân chương Sao vàng"; "Huân chương Hồ Chí Minh"; "Huân chương Độc lập" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Lao động" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Dũng cảm"; "Huân chương Hữu nghị";

b) "Huy chương Hữu nghị";

c) Danh hiệu vinh dự nhà nước: "Anh hùng Lao động";

d) "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước";

đ) "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ".

2. Các hình thức khen thưởng của Tòa án nhân dân

a) "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án";

b) "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao";

c) "Giấy khen";

d) Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân: "Thẩm phán giỏi", "Thẩm phán tiêu biểu", "Thẩm phán mẫu mực".

Điều 21. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013) và các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 22. "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án"

1. "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án" là hình thức khen thưởng của Tòa án nhân dân để ghi nhận thành tích, công lao của cá nhân có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Tòa án nhân dân.

2. "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án" được xét tặng hàng năm nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống Tòa án nhân dân (ngày 13 tháng 9).

3. Đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục xét tặng "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án" được thực hiện theo Quy chế xét tặng "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án" do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 23. "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao"

1. "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao" để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao" để tặng cho cá nhân (kể cả cá nhân trong các Tòa án quân sự) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Tòa án nhân dân;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến, giải pháp áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở công nhận.

3. "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao" để tặng cho tập thể (kể cả các Tòa án quân sự) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Tòa án nhân dân;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 24. "Giấy khen"

1. "Giấy khen" để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. "Giấy khen" để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Số lượng cá nhân được tặng "Giấy khen" không vượt quá 30% số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. "Giấy khen" để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Tòa án nhân dân;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Số lượng tập thể được tặng "Giấy khen" không vượt quá 50% số tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

6. Không tặng "Giấy khen" vào dịp tổng kết công tác cuối năm cho tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" trở lên hoặc cho cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" trở lên.

Điều 25. Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân

1. Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân gồm: "Thẩm phán giỏi", "Thẩm phán tiêu biểu", "Thẩm phán mẫu mực".

2. Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân được xét tặng hàng năm.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục thi tuyển và xét tặng danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân được thực hiện theo Quy chế thi tuyển danh hiệu "Thẩm phán giỏi" và xét tặng danh hiệu "Thẩm phán tiêu biểu", "Thẩm phán mẫu mực" do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Chương IV
THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 26. Thẩm quyền quyết định, đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Tòa án nhân dân

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", "Tập thể lao động xuất sắc" và các hình thức khen thưởng: "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án", "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao", danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân công Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng quyết định tặng các danh hiệu thi đua: "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và hình thức khen thưởng "Giấy khen" cho tập thể, cá nhân trong các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Chính phủ quyết định tặng "Cờ thi đua của Chính phủ"; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước".

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và hình thức khen thưởng "Giấy khen" cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", "Tập thể lao động xuất sắc" và các hình thức khen thưởng: "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án", "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao", danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để đề nghị tặng các danh hiệu: "Cờ thi đua của Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng các danh hiệu thi đua: "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và hình thức khen thưởng "Giấy khen" cho tập thể, cá nhân trong Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc quyền quản lý.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", "Tập thể lao động xuất sắc" và các hình thức khen thưởng: "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án", "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao", danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để đề nghị tặng các danh hiệu: "Cờ thi đua của Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 27. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó.

2. Nghi thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29-10-2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

3. Việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh gương người tốt, việc tốt và những điển hình tiên tiến, phải bảo đảm trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; khi tổ chức cần kết hợp vào dịp hội nghị tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép với các nội dung khác để tiết kiệm thời gian và chi phí.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

Điều 28. Thời gian bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng và báo cáo số liệu phục vụ công tác thi đua, khen thưởng

1. Thời gian của năm thi đua được tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước liền kề đến ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Các cơ quan, đơn vị tiến hành sơ kết công tác thi đua, khen thưởng xong trước ngày 31 tháng 5; tổng kết thi đua và xét tặng hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng vào dịp tổng kết công tác gửi về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gửi về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

4. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân cấp cao phải báo cáo số liệu phục vụ công tác thi đua, khen thưởng cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Điều 29. Thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải làm báo cáo thành tích để trình bày tại cuộc họp bình xét thi đua, khen thưởng của tập thể nhỏ hoặc của Tòa án nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện).

Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, tiến hành bỏ phiếu lựa chọn tập thể, cá nhân đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo trình tự từ thấp lên cao.

Người đứng đầu tập thể nhỏ, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoặc trình Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao) để xem xét (thành phần Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị gồm: Thủ trưởng đơn vị; đại diện của cấp ủy Đảng, của Ban chấp hành Công đoàn, của Ban chấp hành Đoàn thanh niên, của lãnh đạo tập thể nhỏ thuộc đơn vị, do Thủ trưởng đơn vị chủ trì).

Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tập thể nhỏ hoặc trong Tòa án nhân dân cấp huyện đồng ý mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị tổ chức phiên họp để xem xét các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Phiên họp Hội đồng, Hội nghị chỉ được tổ chức khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, Hội nghị.

Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, Hội nghị đồng ý mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định tặng hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tổ chức phiên họp để xem xét các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định, đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Phiên họp Hội đồng chỉ được tổ chức khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng.

Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng đồng ý mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Riêng kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng khi xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Anh hùng Lao động" phải có số phiếu đồng ý từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên của Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định tặng hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

6. Mỗi vòng bỏ phiếu suy tôn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng chỉ được tiến hành không quá 02 lần bỏ phiếu. Nếu sau hai lần bỏ phiếu mà chưa lựa chọn được, thì việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người có thẩm quyền quy định tại Điều 26 Thông tư này hoặc Trưởng Cụm và Phó Trưởng Cụm thi đua (đối với Cờ thi đua) quyết định. Trong trường hợp này, tập thể, cá nhân là nhân tố mới, có thành tích nổi bật hơn sẽ được ưu tiên xem xét.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoặc Biên bản Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao) và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng theo đúng mẫu được quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27-4-2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (05 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 04 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực kèm theo ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở (trường hợp đề tài, sáng kiến, giải pháp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở).

d) Tờ trình kèm theo Biên bản Hội nghị tổng kết và Biên bản kiểm phiếu suy tôn của Cụm thi đua (đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ");

đ) Các file điện tử của hồ sơ đề nghị xét tặng (ở định dạng .doc đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) gửi đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng: vuthiduakhenthuong@gmail.com.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cho tập thể, cá nhân gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoặc Biên bản Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao) và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng theo Mẫu số 3 (đối với tập thể), Mẫu số 4 (đối với cá nhân) ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 01 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực kèm theo ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở (trường hợp đề tài, sáng kiến, giải pháp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở).

d) Tờ trình kèm theo Biên bản Hội nghị tổng kết và Biên bản kiểm phiếu suy tôn của Cụm thi đua (đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân").

đ) Các file điện tử của hồ sơ đề nghị xét tặng (ở định dạng .doc đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) gửi đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng: vuthiduakhenthuong@gmail.com.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân gồm:

a) Tờ trình của người đứng đầu tập thể nhỏ, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản cuộc họp bình xét thi đua, khen thưởng của tập thể nhỏ, Tòa án nhân dân cấp huyện và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng theo Mẫu số 3 (đối với tập thể), Mẫu số 4 (đối với cá nhân) ban hành kèm theo Thông tư này.

Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực.

Điều 31. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Việc xem xét, đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được tiến hành ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (05 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 04 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 01 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của người đứng đầu đơn vị giúp việc Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 32. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước.

Đối với hồ sơ không đầy đủ, không đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, đơn vị trình và xác định rõ thời hạn hoàn thiện hồ sơ gửi lại cho Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao.

2. Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước là 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân họp xem xét đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao phải hoàn tất các thủ tục, hồ sơ theo quy định để trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 33. Quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước; thực hiện bàn giao hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho đơn vị lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền; thực hiện bàn giao hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho đơn vị lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Các quyết định về thi đua, khen thưởng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi cho Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao 01 bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định.

3. Hồ sơ về thi đua, khen thưởng được lưu trữ trên giấy và lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 34. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị theo định kỳ và đột xuất.

Nội dung kiểm tra gồm:

a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Tình hình tổ chức công tác thi đua, khen thưởng;

c) Việc thực hiện các phong trào thi đua;

d) Việc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Cụm thi đua tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trong Cụm thi đua có đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Cờ thi đua của Chính phủ" để tiến hành bình xét, suy tôn và đề nghị xét tặng.

Chương V
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC - SÁNG KIẾN, CỤM THI ĐUA

Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, đại diện Thường vụ Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao là Phó Chủ tịch Hội đồng; Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng;

c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo Công đoàn và một số đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

3. Hội đồng có từ 13 đến 15 thành viên.

4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 36. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở do Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Đại diện cấp ủy Đảng là Phó Chủ tịch Hội đồng. Người đứng đầu đơn vị giúp việc Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng;

c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo Công đoàn và một số đơn vị thuộc cơ quan (Đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh có từ 01 đến 02 Ủy viên là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện).

3. Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên.

4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng cơ quan ban hành.

Điều 37. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân

1. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập, có trách nhiệm giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Thành phần Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Phó Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao;

c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, một số cá nhân thuộc Tòa án nhân dân tối cao có trình độ chuyên môn sâu về quản lý, nghiên cứu khoa học, đánh giá, thẩm định sáng kiến, đề tài khoa học.

3. Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên.

4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 38. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở

1. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở do Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Thành phần Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Thủ trưởng cơ quan;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo đơn vị giúp việc Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng;

c) Các Ủy viên Hội đồng là một số cá nhân trong cơ quan có trình độ quản lý chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đánh giá, thẩm định sáng kiến, đề tài khoa học.

3. Hội đồng có từ 3 đến 5 thành viên.

4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng cơ quan ban hành.

Điều 39. Cụm thi đua

1. Các Cụm thi đua của Tòa án nhân dân gồm:

a) Cụm thi đua số I, gồm 14 Tòa án nhân dân cấp tỉnh đồng bằng và trung du Bắc bộ: Thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh;

b) Cụm thi đua số II, gồm 14 Tòa án nhân dân cấp tỉnh miền núi phía Bắc: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hòa Bình, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ;

c) Cụm thi đua số III, gồm 12 Tòa án nhân dân cấp tỉnh duyên hải miền Trung và Tây nguyên: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Phú Yên, Khánh Hòa;

d) Cụm thi đua số IV, gồm 10 Tòa án nhân dân cấp tỉnh miền Đông Nam bộ: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Đắk Nông, Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Cụm thi đua số V, gồm 13 Tòa án nhân dân cấp tỉnh miền Tây Nam bộ: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Hậu Giang, thành phố Cần Thơ;

e) Cụm thi đua số VI, gồm 15 đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao: Văn phòng, Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ Giám đốc kiểm tra I, Vụ Giám đốc kiểm tra II, Vụ Giám đốc kiểm tra III, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Ban Thanh tra, Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ Tổng hợp, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thi đua - Khen thưởng, Vụ Công tác phía Nam, Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân, Học viện Tòa án;

g) Cụm thi đua số VII, gồm 3 Tòa án nhân dân cấp cao: tại Hà Nội, tại Đà Nẵng, tại thành phố Hồ Chí Minh;

h) Cụm thi đua số VIII, gồm các Tòa án quân sự.

2. Cụm thi đua có nhiệm vụ:

a) Tổ chức phát động, ký giao ước thi đua thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua do Tòa án nhân dân tối cao phát động, đồng thời đề ra các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả phong trào thi đua của Cụm thi đua;

b) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của Cụm thi đua; chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong Cụm thi đua;

c) Thống nhất đánh giá hiệu quả, tác dụng của phong trào thi đua, chấm điểm, xếp hạng các cơ quan, đơn vị trong Cụm thi đua theo tiêu chí xếp hạng và chấm điểm thi đua của Tòa án nhân dân tối cao;

d) Bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong Cụm thi đua để đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua Tòa án nhân dân".

3. Trưởng và Phó Trưởng Cụm thi đua hàng năm do Cụm thi đua bầu và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao.

Trưởng Cụm thi đua tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Cụm thi đua và chịu trách nhiệm trước Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về mọi hoạt động của Cụm thi đua.

Chương VI
QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TÒA ÁN NHÂN DÂN

Điều 40. Lập, sử dụng và quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân

1. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

3. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 41. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi thực hiện theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2016.

2. Thông tư này được áp dụng để xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2016 theo nguyên tắc có lợi cho đối tượng thi đua, đối tượng khen thưởng.

3. Thông tư này thay thế các văn bản hướng dẫn trước đây của Tòa án nhân dân tối cao về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 43. Trách nhiệm tổ chức thi hành

Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các Thủ trưởng đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, các Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, các Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Trưởng Cụm thi đua tổ chức thi hành Thông tư này./.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-TANDTC ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao)

Các biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 1	Bản đăng ký thi đua
Mẫu số 2	Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng
Mẫu số 3	Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng các danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến"; các hình thức khen thưởng "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao", "Giấy khen" đối với tập thể
Mẫu số 4	Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng các danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến"; các hình thức khen thưởng "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao", "Giấy khen" đối với cá nhân

Thể thức và kỹ thuật trình bày của các biểu mẫu phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

Mẫu số 1

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

BẢN ĐĂNG KÝ THI ĐUA NĂM...

SỐ TT	TÊN TẬP THỂ, HỌ VÀ TÊN CÁ NHÂN	DANH HIỆU THI ĐUA							
		TẬP THỂ				CÁ NHÂN			
		LĐTT	LĐXS	CỜ TAND	CỜ CP	LĐTT	CSTĐCS	CSTĐ TAND	CSTĐTQ
I	**TẬP THỂ**								
1	...								
2	...								
...	...								
II	**CÁ NHÂN**								
1	Ông (bà)...								
2	Ông (bà)...								
...	...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *Đăng ký danh hiệu thi đua nào thì đánh dấu "x" vào ô tương ứng.*

Mẫu số 2

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /TTr-...	*...(1), ngày... tháng... năm...*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên)

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-TANDTC ngày 16-9-2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân và kết quả phiên họp ngày... tháng... năm... của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng...(2) (hoặc Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị),

.....(2) kính đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên) xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân như sau:

I. Đối với tập thể

1. ...(3): ...(4) tập thể.
2. ...(3): ...(4) tập thể.

...

II. Đối với cá nhân

1. ...(3): ...(4) cá nhân.
2. ...(3): ...(4) cá nhân.

...

(Có danh sách kèm theo).

...(2) kính đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** *(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Địa danh.
(2) Tên cơ quan, đơn vị đề nghị.
(3) Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
(4) Số lượng.

DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

(kèm theo Tờ trình số /TTr-... ngày... tháng... năm... của...)

STT	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, tên tập thể, họ và tên cá nhân	Chức vụ, đơn vị
A	**Danh hiệu thi đua**	
I	**...**(1)	
a.	***Tập thể*** (2)	
1	...	
...	...	
b.	***Cá nhân*** (2)	
1	Ông (bà)...	
...	...	
II	**...**(1)	
a.	***Tập thể*** (2)	
1	...	
...	...	
b.	***Cá nhân*** (2)	
1.	Ông (bà)...	
...	...	
B	**Hình thức khen thưởng**	
I	**...**(1)	
a.	***Tập thể*** (2)	
1	...	
...	...	
b.	***Cá nhân*** (2)	
1	Ông (bà)...	
...	...	
II	**...**(1)	
a.	***Tập thể*** (2)	
1	...	
...	...	
b.	***Cá nhân*** (2)	
1.	Ông (bà)...	
...	...	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

(2) Có danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng chỉ tặng cho tập thể hoặc cá nhân thì chỉ ghi tập thể hoặc cá nhân.

Mẫu số 3

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)*, ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị xét tặng...(2)

Tên tập thể đề nghị *(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)*

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax, địa chỉ trang thông tin điện tử.

- Quá trình thành lập và phát triển.

- Những đặc điểm chính của cơ quan, đơn vị (điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức Đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013), Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01-7-2014 của Chính phủ và Thông tư này.

Nội dung báo cáo nêu rõ thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả so với những năm trước; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính - tư pháp; các giải pháp công tác, sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội đối với cơ quan, đơn vị, hệ thống Tòa án nhân dân (3).

2. Các biện pháp thực hiện và những nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể.

III. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG

Danh hiệu thi đua Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
1. Danh hiệu thi đua	
2. Hình thức khen thưởng	

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (4)
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh;

(2) Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng;

(3) Tùy theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng, nêu thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị:

Các danh hiệu "Cờ thi đua Tòa án nhân dân", "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong năm đề nghị;

Hình thức khen thưởng "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong 02 năm (năm đề nghị và năm trước liền kề);

Hình thức khen thưởng "Giấy khen" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong năm đề nghị.

(4) Đối với tập thể đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, tập thể Tòa án nhân dân cấp cao, tập thể Tòa án nhân dân cấp tỉnh là nhận xét, xác nhận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Đối với tập thể Tòa án nhân dân cấp huyện là nhận xét, xác nhận của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

Đối với tập thể nhỏ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Mẫu số 4

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1), *ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị xét tặng... (2)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên: *(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)* Giới tính:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận
2. Thành tích đạt được (3)

III. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG

Danh hiệu thi đua Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
1. Danh hiệu thi đua	
2. Hình thức khen thưởng	

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh;

(2) Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng;

(3) Tùy theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng, nêu thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ:

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong 03 năm (năm đề nghị và 02 năm trước liền kề);

Các danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong năm đề nghị;

Hình thức khen thưởng "Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong 02 năm (năm đề nghị và năm trước liền kề);

Hình thức khen thưởng "Giấy khen" thì báo cáo phải nêu rõ thành tích đã đạt được trong năm đề nghị.